

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Số: 21/2026/CV-SHA

No: 21/2026/CV-SHA

V/v: Báo cáo tài chính

Tổng hợp kiểm toán 2025.

Consolidated Audited Financial
Statements 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March 27, 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

- Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**
Name of company : **Son Ha Sai Gon Joint Stock Company**
- Mã chứng khoán: **SHA**
Securities code: **SHA**
- Địa chỉ trụ sở chính: **292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
Address of headoffice: **292/5 Hamlet 80, Dong Thanh Commun, Ho Chi Minh City, Vietnam**
- Điện thoại: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
Telephone: **(84-28). 37100101** Fax: **(84-28). 62511989**
- Người thực hiện công bố thông tin/ Person disclosing information: Bà/Ms Ngô Thị Thanh Lan
- Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
Type of information disclosed: 24h 72h Request Spontaneous periodic

Nội dung của thông tin công bố /Content of disclosure:

Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố thông tin về Báo cáo tài chính Kiểm toán Tổng hợp năm 2025.

Saigon Son Ha Joint Stock Company announces the disclosure of information regarding the Consolidated Audited Financial Statements for the year 2025.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/03/2026 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

This information was disclosed on the Company's website on March 27, 2026, at the following link: <http://sonhasg.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information.

Nơi nhân/Place of printing

- Như trên/As above

- Lưu VT/Save the

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0307526635,
E=VIETTELGROUP2020@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.27 13:30:44+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT/

Person publishing information

TỔNG GIÁM ĐỐC/General Director

Chữ ký, họ tên, đóng dấu/(Sign, full name and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thu Hạnh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 321/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



BV

Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Bùi Đức Nam

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2025


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		737.557.015.707	690.557.292.614
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	49.829.534.753	45.518.405.404
Tiền	111		49.829.534.753	45.518.405.404
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26.200.000.000	26.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.200.000.000	26.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		287.781.707.147	281.407.366.047
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	228.010.594.616	241.290.499.314
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.440.348.516	5.146.033.585
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	47.142.825.978	35.793.544.681
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(822.711.533)	(822.711.533)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		10.649.570	-
Hàng tồn kho	140	9	367.932.205.294	330.249.275.930
Hàng tồn kho	141		367.932.205.294	330.249.275.930
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.813.568.513	7.182.245.233
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.113.381.245	3.386.699.260
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.689.164.125	3.663.740.833
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	11.023.143	131.805.140
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		203.864.951.903	212.508.531.271
Các khoản phải thu dài hạn	210		196.460.684	196.460.684
Phải thu dài hạn khác	216	8	196.460.684	196.460.684
Tài sản cố định	220		90.972.625.596	100.937.910.328
Tài sản cố định hữu hình	221	11	59.824.730.383	68.785.244.291
- Nguyên giá	222		183.333.631.497	178.068.133.205
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(123.508.901.114)	(109.282.888.914)
Tài sản cố định vô hình	227	12	31.147.895.213	32.152.666.037
- Nguyên giá	228		46.109.659.444	46.109.659.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.961.764.231)	(13.956.993.407)
Tài sản dở dang dài hạn	240		32.195.377.274	31.049.377.274
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	32.195.377.274	31.049.377.274
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	80.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		500.488.349	324.782.985
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	500.488.349	324.782.985
TỔNG TÀI SẢN	270		941.421.967.610	903.065.823.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		509.723.554.023	493.759.653.269
Nợ ngắn hạn	310		509.489.635.023	493.524.734.269
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	57.238.879.115	45.122.094.318
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.313.626.781	3.179.397.914
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.515.904.244	1.261.505.027
Phải trả người lao động	314		4.100.767.246	3.607.530.411
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	4.443.480.448	7.083.912.420
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	456.755.917	451.194.643
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	436.138.314.428	430.537.192.692
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.281.906.844
Nợ dài hạn	330		233.919.000	234.919.000
Phải trả dài hạn khác	337	17	233.919.000	234.919.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.698.413.587	409.306.170.616
Vốn chủ sở hữu	410	18	431.698.413.587	409.306.170.616
Vốn góp của chủ sở hữu	411		351.186.320.000	334.466.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		351.186.320.000	334.466.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	13.686.797.071
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.075.296.516	61.402.623.545
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		44.407.053.545	41.348.484.458
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.668.242.971	20.054.139.087
TỔNG NGUỒN VỐN	440		941.421.967.610	903.065.823.885

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.035.816.689.178	1.061.771.293.875
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	19.287.031.760	68.065.039.460
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.016.529.657.418	993.706.254.415
Giá vốn hàng bán	11	21	916.418.423.140	897.015.579.723
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		100.111.234.278	96.690.674.692
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	32.293.267.485	28.655.551.369
Chi phí tài chính	22	23	24.879.360.964	27.539.860.269
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.731.880.400	27.465.910.255
Chi phí bán hàng	25	24	61.663.262.979	57.539.706.339
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	20.073.016.928	18.672.832.408
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.788.860.892	21.593.827.045
Thu nhập khác	31	25	231.072.323	318.819.278
Chi phí khác	32	26	472.590.809	29.726.630
Lợi nhuận khác	40		(241.518.486)	289.092.648
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.547.342.406	21.882.919.693
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.879.099.435	1.828.780.606
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.668.242.971	20.054.139.087

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		25.547.342.406	21.882.919.693
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		15.230.783.024	15.939.298.871
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		24.006.152	-
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(21.639.851.720)	(21.917.991.110)
Chi phí lãi vay	06		24.731.880.400	27.465.910.255
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.894.160.262	43.370.137.709
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.281.012.751)	2.723.164.247
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.682.929.364)	14.390.181.980
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.252.163.451	(38.394.654.774)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		97.612.651	1.140.353.215
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.719.814.421)	(27.363.280.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.617.607.054)	(2.358.834.013)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.057.427.226)	(6.492.931.812)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.888.955.662)	(881.726.681)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	88.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(12.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	19.937.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19.641.882.076	13.749.157.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.752.926.414	20.892.431.199
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		923.081.301.437	907.213.668.580
Tiền trả nợ gốc vay	34		(917.480.179.701)	(907.076.384.058)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(662.718.012)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(248.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.601.121.736	(773.833.490)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.296.620.924	13.625.665.897
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	45.518.405.404	31.892.739.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.508.425	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	49.829.534.753	45.518.405.404

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 11 tháng 11 năm 2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 292/5 Ấp 80, Xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 351.186.320.000 đồng (Ba trăm năm mươi một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23 tháng 11 năm 2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình (*) Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tò 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Thửa số 2005, tờ bản đồ số 04-7, Đường DX002, Khu Phố 8, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, khu công nghiệp Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc lộ 55, Khu phố Long An, Xã Long Điền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Chi nhánh Long Khánh - Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Số 26A, đường Phan Huy Chú, khu phố 1, Phường Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (*) Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 18, thôn 13, Xã Hòa Phú, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	16B Nguyễn Thiện Thuật, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Thôn Phú ân Nam 2, Xã Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	Đường ĐT.741, ấp 1, Phường Bình Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	Số 572 Quốc lộ 91, ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Tỉnh An Giang, Việt Nam
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, ấp Mỹ Lợi, Phường Mỹ Phong, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB-QĐ4, Phường Tân Triều, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Phường Hàm Thắng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuật - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số CN: 0307526635-0020	Số 18, thôn 13, Xã Hòa Phú, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, quốc lộ 26, Buôn Tân Sinh, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (*) Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, ấp Phú Long, Phường An Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93Đ, ấp Bình Thành, Phường Bến Tre, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17 A, ấp Hiệp Trường, Phường Thanh Điền, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Phường Mỹ Trà, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa 137 đường Võ Văn Tần, Khóm 14, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Xã Vĩnh Lợi, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Đường Phan Đăng Lưu, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (*) Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Ấp Chợ, Xã Bình Phú, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (*) Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Ấp Đồng Tâm, Xã Rạch Kiến, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

(*) Tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 95/2025/NQ-HĐQT ngày 07/11/2025, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc chấm dứt hoạt động của các Chi nhánh.

Công ty có một công ty con với thông tin như sau:

Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai, tỷ lệ kiểm soát 100%. Địa chỉ khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, tỉnh Đà Nẵng. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

1.6 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 299 người (tại ngày 31/12/2024 là 293 người).

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 1.4.) cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuê kho, chi phí trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 03 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

3.13 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.16 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông góp vốn được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt	8.222.279.117	6.144.755.901
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.607.255.636	39.373.649.503
Cộng	49.829.534.753	45.518.405.404

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	3.113.381.245	3.386.699.260
- Chi phí trả trước về thuê kho	825.191.663	761.591.663
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	221.652.244	607.468.608
- Chi phí bảo hiểm	322.121.298	300.028.353
- Chi phí thuê đất	1.564.084.384	1.374.241.153
- Các khoản khác	180.331.656	343.369.483
b) Dài hạn	500.488.349	324.782.985
- Chi phí Công cụ dụng cụ	312.649.969	299.672.132
- Chi phí sửa chữa	96.055.560	25.110.853
- Các khoản khác	91.782.820	-
Cộng	3.613.869.594	3.711.482.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.200.000.000	26.200.000.000	26.200.000.000	26.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank (1)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (2)	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (4)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	26.200.000.000	26.200.000.000	26.200.000.000	26.200.000.000

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm, lãi suất 2,9% - 3,7%/năm tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh;

(2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm, lãi suất 3,58% - 4,17%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Gia Định;

(3) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm, lãi suất 4,6%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam;

(4) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm, lãi suất 2,9%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2025				01/01/2025			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000
- Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào công ty con	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	-	-	(*)
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (2)	70.000.000.000	-	(*)	70.000.000.000	-	-	-	(*)
Cộng	80.000.000.000	-	(*)	80.000.000.000	-	-	-	(*)

(1) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm, lãi suất 6,525%/năm.

(2) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 40009000618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 22 tháng 04 năm 2019 số tiền 70.000.000.000 đồng do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam) cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	228.010.594.616	(822.711.533)	241.290.499.314	(822.711.533)
- Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại - Dịch vụ Thiên Thành Lợi	44.591.627.488	-	43.793.395.212	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	32.631.261.288	-	31.373.376.782	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hưng Thịnh	26.404.017.006	-	33.153.308.817	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kim loại VINA Đại Phú Thịnh	26.716.323.957	-	30.383.493.810	-
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại thép Hải Phát	18.223.156.036	-	17.491.480.509	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ kỹ thuật Đại Phú Thịnh	15.989.480.165	-	18.889.480.150	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	8.644.287.913	-	2.469.202.301	-
- Phải thu khách hàng khác	54.810.440.763	(822.711.533)	63.736.761.733	(822.711.533)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	228.010.594.616	(822.711.533)	241.290.499.314	(822.711.533)

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	47.142.825.978	-	35.793.544.681	-
- Tạm ứng	35.360.842.166	-	26.272.988.018	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-	8.000.000.000	-
- Lãi dự thu	273.594.740	-	275.625.096	-
- Kinh phí công đoàn	163.692.111	-	101.488.751	-
- Bảo hiểm xã hội	169.996.995	-	166.507.845	-
- Ký cược, ký quỹ	160.139.316	-	160.139.316	-
- Phải thu khác	1.014.560.650	-	816.795.655	-
b) Dài hạn	196.460.684	-	196.460.684	-
- Ký cược, ký quỹ	196.460.684	-	196.460.684	-
Cộng	47.339.286.662	-	35.990.005.365	-

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	784.106.243	-	1.091.728.625	-
Nguyên liệu, vật liệu	133.023.860.115	-	115.171.730.442	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.295.977.811	-	22.890.680.169	-
Thành phẩm	55.551.732.271	-	50.236.656.789	-
Hàng hóa	151.276.528.854	-	140.858.479.905	-
Cộng	367.932.205.294	-	330.249.275.930	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	32.195.377.274	32.195.377.274	31.049.377.274	31.049.377.274
- Quyền sử dụng đất (*)	31.049.377.274	31.049.377.274	31.049.377.274	31.049.377.274
- Dự án xây dựng Nhà máy Đắk Lắk	1.146.000.000	1.146.000.000	-	-
Cộng	32.195.377.274	32.195.377.274	31.049.377.274	31.049.377.274

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh (nay là xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh). Giá trị chuyển nhượng số tiền 25.049.377.247 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh (nay là xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh). Giá trị chuyển nhượng số tiền 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	85.538.362.177	40.311.616.644	45.643.367.976	6.574.786.408	178.068.133.205
- Mua trong năm	-	2.238.535.330	3.026.962.962	-	5.265.498.292
31/12/2025	85.538.362.177	42.550.151.974	48.670.330.938	6.574.786.408	183.333.631.497
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	(37.126.967.612)	(29.309.528.263)	(37.415.813.251)	(5.430.579.788)	(109.282.888.914)
- Khấu hao trong năm	(6.754.852.414)	(3.270.113.352)	(3.071.478.958)	(1.129.567.476)	(14.226.012.200)
31/12/2025	(43.881.820.026)	(32.579.641.615)	(40.487.292.209)	(6.560.147.264)	(123.508.901.114)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	48.411.394.565	11.002.088.381	8.227.554.725	1.144.206.620	68.785.244.291
31/12/2025	41.656.542.151	9.970.510.359	8.183.038.729	14.639.144	59.824.730.383

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 31.239.858.299 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 39.528.825.161 đồng).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 54.089.855.777 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 29.375.524.087 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2025	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
31/12/2025	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2025	(13.003.934.407)	(953.059.000)	(13.956.993.407)
- Khấu hao trong năm	(1.004.770.824)	-	(1.004.770.824)
31/12/2025	(14.008.705.231)	(953.059.000)	(14.961.764.231)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2025	32.152.666.037	-	32.152.666.037
31/12/2025	31.147.895.213	-	31.147.895.213

- Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Đông Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn. Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại 31/12/2025 là: 24.770.752.370 đồng (tại 01/01/2025 là 32.152.666.037 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 953.059.000 đồng tại ngày 01/01/2025 là 953.059.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	57.238.879.115	57.238.879.115	45.122.094.318	45.122.094.318
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	34.014.448.273	34.014.448.273	27.761.090.513	27.761.090.513
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	6.662.892.330	6.662.892.330	5.912.164.041	5.912.164.041
- Công ty TNHH Posco VST	5.456.286.075	5.456.286.075	3.280.782.394	3.280.782.394
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.118.436.961	1.118.436.961	1.167.429.513	1.167.429.513
- Phải trả nhà cung cấp khác	9.986.815.476	9.986.815.476	7.000.627.857	7.000.627.857
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	57.238.879.115	57.238.879.115	45.122.094.318	45.122.094.318

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác

Cộng

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
	173.791.880	1.659.757.130	1.689.540.294	144.008.716
	-	114.526.696	114.526.696	-
	1.050.408.089	2.879.099.435	2.617.607.054	1.311.900.470
	37.305.058	486.330.000	463.640.000	59.995.058
	-	29.000.000	29.000.000	-
	1.261.505.027	5.168.713.261	4.914.314.044	1.515.904.244

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu
- Thuế xuất, nhập khẩu

Cộng

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
	131.805.140	1.996.854.947	1.871.959.837	6.910.030
	-	87.107.003	91.220.116	4.113.113
	131.805.140	2.083.961.950	1.963.179.953	11.023.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2025		01/01/2025			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	436.138.314.428	436.138.314.428	917.480.179.701	430.537.192.692	430.537.192.692	430.537.192.692
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 (1)	436.138.314.428	436.138.314.428	917.480.179.701	430.537.192.692	430.537.192.692	430.537.192.692
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Học Môn (BIDV) (2)	174.644.036.558	174.644.036.558	380.941.586.786	173.464.635.264	173.464.635.264	173.464.635.264
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank (3)	197.189.971.425	197.189.971.425	414.549.354.734	178.713.033.810	178.713.033.810	178.713.033.810
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam- CN Gia Định (4)	14.519.222.868	14.519.222.868	19.596.880.346	15.832.603.190	15.832.603.190	15.832.603.190
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (5)	29.999.245.708	29.999.245.708	46.441.146.142	29.265.866.038	29.265.866.038	29.265.866.038
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	19.785.837.869	19.785.837.869	74.428.149.308	33.261.054.390	33.261.054.390	33.261.054.390
Cộng	436.138.314.428	436.138.314.428	917.480.179.701	430.537.192.692	430.537.192.692	430.537.192.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay:

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng Cho Vay Hạn Mức số 111/2025-HĐCVHM/NHCT944-SHA ngày 25/11/2025 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 12 Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - Hạn mức: 300.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày 25/11/2025 đến hết ngày 25/11/2026;
 - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thoả thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
- Các biện pháp bảo đảm: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/7015218/HĐTD ngày 20 tháng 11 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C;
 - Hạn mức: 250.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến hết ngày 15/11/2026;
 - Lãi suất áp dụng theo lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
 - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ bao gồm nhưng không giới hạn các Hợp đồng bảo đảm sau:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7015218/HĐBĐ ngày 09/08/2019 được ký giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/7015218/HĐBĐ ngày 13/07/2022 được ký giữa Ông Nguyễn Duy Phước và BIDV - CN Hóc Môn;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 19/08/2022 được ký giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 22/09/2022 được ký giữa Ông Hoàng Tuấn Thanh cùng Bà Mai Thị Thanh Hương và BIDV - CN Hóc Môn;
 - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/7015218/HĐBĐ ngày 21/12/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
 - + Và các Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng và/hoặc bên thứ ba (gọi chung là Bên bảo đảm) với Ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (3) Khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 094/2023/FA.01 ngày 19/05/2023 giữa Công ty và Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Hỗ trợ vốn lưu động và/hoặc nhập khẩu nguyên liệu và/hoặc hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty;
 - Hạn mức: 50.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, theo điều khoản tự động gia hạn, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này có thời hạn từ 19/05/2025 đến 19/05/2026;
 - Lãi suất: Phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện được quy định cụ thể tại Hợp đồng, từng phụ lục liên quan của Hợp đồng này và/hoặc các đơn yêu cầu/tài liệu liên quan;
 - Các biện pháp bảo đảm: Thông tin chi tiết được nêu trong Hợp đồng cầm cố số 094/2023/PA.01 ngày 19/05/2023.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 312909.25.105.29111278.TD ngày 20/06/2025 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 170.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 10/06/2026;
 - Lãi suất áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng kỳ;
 - Các biện pháp đảm bảo: Sổ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/ Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận, hàng hoá/ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1044803.24 ngày 23/06/2025 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành cam kết bảo lãnh, phát hành L/C mua nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Khoản tín dụng: 100.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, bao gồm toàn bộ số dư tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số 9647118.24 ngày 23/05/2024 chuyển sang;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất: được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ và/hoặc được thông báo công khai trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do VIB quyết định trong từng thời kỳ;
 - Các biện pháp bảo đảm:
 - + Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận.
 - + Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Hoàng Hà.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.443.480.448	7.083.912.420
- Chi phí trích trước thường, hàng khuyến mại	2.433.832.246	4.983.509.805
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.500.616.766	1.603.437.158
- Chi phí lãi vay	509.031.436	496.965.457
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.443.480.448	7.083.912.420

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	456.755.917	451.194.643
- Tài sản thừa chờ giải quyết	206.659.241	205.897.967
- Nhận ký quỹ, ký cược	14.500.000	14.500.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.596.676	230.796.676
b) Dài hạn	233.919.000	234.919.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	233.919.000	234.919.000
Cộng	690.674.917	686.113.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	334.466.750.000	(250.000.000)			13.686.797.071		41.624.484.458		389.528.031.529	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	20.054.139.087	-	20.054.139.087	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	-	(276.000.000)	-
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	-	(276.000.000)	-
31/12/2024	334.466.750.000	(250.000.000)			13.686.797.071		61.402.623.545		409.306.170.616	
01/01/2025	334.466.750.000	(250.000.000)			13.686.797.071		61.402.623.545		409.306.170.616	
- Tăng vốn trong năm nay	16.719.570.000	-	-	-	-	-	-	-	16.719.570.000	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	22.668.242.971	-	22.668.242.971	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	(16.995.570.000)	-	(16.995.570.000)	-
+ <i>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát</i>	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	-	(276.000.000)	-
+ <i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	-	-	(16.719.570.000)	-	(16.719.570.000)	-
31/12/2025	351.186.320.000	(250.000.000)			13.686.797.071		67.075.296.516		431.698.413.587	

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 30/2025/NQ-ĐHCD ngày 26/04/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	55.276.860.000	52.644.630.000
- Ông Lê Hoàng Hà	46.923.380.000	44.688.940.000
- Các Cổ đông khác	248.986.080.000	237.133.180.000
Cộng	351.186.320.000	334.466.750.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CÒ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	334.466.750.000	334.466.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm	16.719.570.000	-
+ Vốn góp cuối năm	351.186.320.000	334.466.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.719.570.000	-

18.4 CỐ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.118.632	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	35.118.632	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	35.118.632	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.118.632	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	35.118.632	33.446.675
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	13.686.797.071

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
a) Doanh thu	1.035.816.689.178	1.061.771.293.875
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.035.816.689.178	1.061.771.293.875
Cộng	1.035.816.689.178	1.061.771.293.875

b) Doanh thu bán hàng với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 31.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chiết khấu thương mại	19.060.788.438	65.508.715.037
- Hàng bán bị trả lại	226.243.322	2.556.324.423
Cộng	19.287.031.760	68.065.039.460

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	916.418.423.140	897.015.579.723
Cộng	916.418.423.140	897.015.579.723

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.639.851.720	1.857.898.483
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000.000	20.000.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	10.653.415.765	6.773.321.700
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	21.130.615
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.200.571
Cộng	32.293.267.485	28.655.551.369

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	24.731.880.400	27.465.910.255
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	123.474.412	73.950.014
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	24.006.152	-
Cộng	24.879.360.964	27.539.860.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	20.073.016.928	18.672.832.408
- Chi phí nhân viên quản lý	9.909.547.987	8.068.024.100
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	251.732.618	243.248.511
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.698.927.880	2.781.725.241
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.337.358.409	217.753.269
- Chi phí bằng tiền khác	5.875.450.034	7.362.081.287
b) Các khoản chi phí bán hàng	61.663.262.979	57.539.706.339
- Chi phí nhân viên	34.537.597.863	31.533.131.934
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.018.431.704	1.435.442.243
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.320.518.928	8.247.767.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.705.427.744	269.541.877
- Chi phí bằng tiền khác	17.081.286.740	16.053.822.789
Cộng	81.736.279.907	76.212.538.747

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	80.000.000
- Các khoản khác	231.072.323	238.819.278
Cộng	231.072.323	318.819.278

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi nộp phạt	466.879.474	-
- Các khoản chi phí khác	5.711.335	29.726.630
Cộng	472.590.809	29.726.630

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	108.774.353.006	116.254.934.682
- Chi phí nhân công	52.434.589.407	47.108.394.231
- Khấu hao tài sản cố định	15.230.783.024	15.939.460.320
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.853.224.418	2.955.918.305
- Chi phí bằng tiền khác	23.336.910.483	23.922.475.865
Cộng	209.629.860.338	206.181.183.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.547.342.406	21.882.919.693
Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.794.359.375	7.260.983.338
- Chi phí khấu hao TSCĐ vượt định mức	440.650.000	440.650.000
- Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	3.858.526.901	6.686.916.303
- Chi phí không hợp lý khác	495.182.474	133.417.035
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	20.014.508.425	20.000.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	14.508.425	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	10.327.193.356	9.143.903.031
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.065.438.671	1.828.780.606
Thuế TNDN truy thu	813.660.764	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.879.099.435	1.828.780.606

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2024	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	274.604.434.171	719.101.820.244	993.706.254.415
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.604.434.171	719.101.820.244	993.706.254.415
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	82.620.873.559	14.069.801.133	96.690.674.692
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(76.212.538.747)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			20.478.135.945
Doanh thu hoạt động tài chính			28.655.551.369
Chi phí tài chính			(27.539.860.269)
Thu nhập khác			318.819.278
Chi phí khác			(29.726.630)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.828.780.606)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			20.054.139.087
Năm 2025	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	271.575.026.149	744.954.631.269	1.016.529.657.418
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	271.575.026.149	744.954.631.269	1.016.529.657.418
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	85.687.982.635	14.423.251.643	100.111.234.278
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(81.736.279.907)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			18.374.954.371
Doanh thu hoạt động tài chính			32.293.267.485
Chi phí tài chính			(24.879.360.964)
Thu nhập khác			231.072.323
Chi phí khác			(472.590.809)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.879.099.435)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			22.668.242.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nên Ban Tổng Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp. Theo đó, Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chi tiết này trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

31. THÔNG TIN KHÁC

31.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính 2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	4.553.924.164	3.998.460.544
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	4.526.623.584	3.998.460.544
Xuất trả hàng	27.300.580	-
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	274.912.921.008	198.605.104.370
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	253.147.274.610	192.988.117.579
Các khoản chiết khấu	20.625.513.756	5.267.464.550
Xuất trả hàng	1.140.132.642	349.522.241
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	441.297.712.803	359.608.260.443
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	402.036.902.550	327.956.107.474
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	19.260.810.253	11.652.152.969
Điều chuyển lợi nhuận	20.000.000.000	20.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	161.121.954.294	187.128.174.750
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	160.912.554.294	184.565.032.542
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	209.400.000	2.483.142.208
Bán tài sản cố định	-	80.000.000
Công ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	1.325.452.155	-
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	1.325.452.155	-
<u>Số dư với các bên liên quan</u>		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phải thu khách hàng	8.749.479.913	3.963.742.962
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	8.644.287.913	2.469.202.301
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	105.192.000	1.494.540.661
Phải trả nhà cung cấp	41.966.168.407	35.021.946.373
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	34.014.448.273	27.761.090.513
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	6.662.892.330	5.912.164.041
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.118.436.961	1.167.429.513
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	170.390.843	181.262.306
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	8.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	10.000.000.000	8.000.000.000
<u>Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</u>		
	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.082.954.000	780.878.000
Bà Ngô Thị Thanh Lan Tổng Giám đốc	628.802.000	430.412.000
Ông Hoàng Tuấn Thanh Phó Tổng Giám đốc	454.152.000	350.466.000
Tiền lương của Ban kiểm soát	730.153.000	683.835.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn Trưởng BKS	374.761.000	241.481.000
Bà Lê Hoàng Anh Thành viên BKS	144.636.000	225.978.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan Thành viên BKS	210.756.000	216.376.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
Ông Lê Hoàng Hà Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Ngà Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Thành Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trịnh Thị Phương Linh Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Uyên Thành viên	36.000.000	36.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

31. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

31.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc (Tiếp)

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Thù lao Ban Kiểm soát		72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng BKS	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

31.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan